

Bộ, tỉnh: Tỉnh Kon Tum
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND huyện Kon Rẫy
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Đắk Rủong
Mã đơn vị: 1050467
Loại hình đơn vị: Đơn vị Quản lý nhà nước

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2023

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						45,000						
4	Tài sản cố định khác						45,000						
	Máy tính dell Ispiron N3511	Cái	1	Dell			15,000						
	Máy tính xách tay Dell Inspiron N3511	Cái	1	Dell	Trung Quốc	2023	15,000						
	Máy tính xách tay Dell Latitude 3410	Cái	1	Dell	Trung Quốc	2023	15,000						
	Tổng cộng						45,000						

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Ngày 17 tháng 01 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Phan Thị Thuê

Đỗ Dũng Sỹ

Bộ, tỉnh: Tỉnh Kon Tum
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND huyện Kon Rẫy
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Đắk Rừng
Mã đơn vị: 1050467
Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

Mẫu số 09B-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2023

Công khai về đất											Công khai về nhà											Ghi chú
STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)							Năm sử dụng	Tổng diện tích sản phẩm sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản phẩm sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
	Đất trụ sở chính tại Thôn 9 xã Đắk Rừng, huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum																					
1	Ruồng, huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum	3,773	3,961,755	3,773																		
2	Hội trường tại Thôn 9 xã Đắk Rừng, huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum																					
3	Nhà làm việc tại Thôn 9 xã Đắk Rừng, huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum																					
4	Nhà làm việc công an, xã đội Đắk Rừng tại Thôn 9 xã Đắk Rừng, huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum																					

Công khai về đất										Công khai về nhà																	
STT làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	2	3	4	5	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)					10	11	12	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		14	Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))					21	22					
					Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp							Sử dụng khác	Năm sử dụng		Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác		
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết											Không kinh doanh			Kinh doanh			Cho thuê	Liên doanh, liên kết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22						
Nhà văn hóa tại Thôn 9 xã Đăk Rừng, huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum										2016	200	1,747,000	814,801	200													
Trụ sở làm việc UBND xã Đăk Rừng tại Thôn 9 xã Đăk Rừng, huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum										2004	256	978,864	195,773	256													
Tổng cộng:		3,773	3,961,755	3,773							803	4,582,886	1,873,221	803													

Người lập báo cáo
 (Ký, họ tên)

Ngày 17 tháng 01 năm 2024
 Thủ trưởng đơn vị
 (Ký, họ tên và đóng dấu)



Đỗ Dũng Sỹ

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)							Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác			
					Nguyên ngân sách	Nguyên khác											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			
16	Máy vi tính để bàn	UBND xã Đắk Ruồng	1	11,450	11,450									x			
17	Máy vi tính Main H61	UBND xã Đắk Ruồng	1	9,895	9,895		3,958										
18	thiết bị họp trực tuyến	UBND xã Đắk Ruồng	1	33,885	33,885		13,554										
19	Tủ đựng tài liệu	UBND xã Đắk Ruồng	1	3,530	3,530												
20	Tủ đựng tài liệu	Đảng uỷ xã	1	5,000	5,000		5,000	x									
21	Tủ đựng tài liệu	UBND xã Đắk Ruồng	1	3,750	3,750		469										
22	Tủ đựng tài liệu	UBND xã Đắk Ruồng	1	9,500	9,500												
23	Tủ hồ sơ hóa phát 2 cánh	UBND xã Đắk Ruồng	4	14,600	14,600		2,920										
24	Máy vi tính	UBND xã Đắk Ruồng	1	4,900	4,900												
25	Máy tính	UBND xã Đắk Ruồng	1	11,242	11,242		22,500		x								
26	máy photocopy Toshiba	UBND xã Đắk Ruồng	1	45,000	45,000									x			
27	Máy in	UBND xã Đắk Ruồng	1	3,150	3,150												
28	Bàn ghế hội trường	UBND xã Đắk Ruồng	13	68,900	68,900												
29	Bàn ghế ngồi làm việc	UBND xã Đắk Ruồng	1	8,960	8,960		2,240										
30	Bàn ghế ngồi làm việc	Đảng uỷ xã	1					x									
31	Bàn ghế tiếp khách	Đảng uỷ xã	1	5,000	5,000		5,000	x									
32	Bàn làm việc	UBND xã Đắk Ruồng	1	1,020	1,020												
33	Bàn làm việc	UBND xã Đắk Ruồng	1	1,650	1,650		206										
34	Bàn làm việc gỗ nhóm III, gia công công nghiệp, sơn PU	UBND xã Đắk Ruồng	1	2,500	2,500		2,188										
35	Bàn làm việc gỗ xoan đào	UBND xã Đắk Ruồng	1	4,500	4,500		2,813										
36	Bàn làm việc Hoà Phát	UBND xã Đắk Ruồng	1	3,850	3,850		2,406										
37	Bàn làm việc Hoà Phát DT 1680 H37	UBND xã Đắk Ruồng	1	3,850	3,850		2,406										
38	Bàn làm việc làm bằng gỗ nhóm III, gia công công nghiệp, sơn PU	UBND xã Đắk Ruồng	1	2,850	2,850		2,138										
39	Bàn vi tính Hoà Phát	UBND xã Đắk Ruồng	1	2,150	2,150		860										

STT	khắc của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
40	Bộ bàn ghế họp	UBND xã Đắk Ruồng	1	36,000	36,000									x
41	Bộ bàn ghế salon nệm, bọc da cao cấp	UBND xã Đắk Ruồng	1	5,000	5,000		3,125							
42	Ghế da hòa phát	UBND xã Đắk Ruồng	1	2,950	2,950		2,213							
43	Ghế da hòa phát (lọa ghế lớn dành cho lãnh đạo)	UBND xã Đắk Ruồng	1	3,150	3,150		2,363							
44	Ghế ngồi làm việc	UBND xã Đắk Ruồng	10	2,750	2,750									
45	Ghế ngồi làm việc	UBND xã Đắk Ruồng	1	1,920	1,920		240							
46	Ghế ngồi làm việc	UBND xã Đắk Ruồng	3	2,250	2,250									
47	Ghế ngồi làm việc	UBND xã Đắk Ruồng	1	650	650									
48	Kệ đựng tài liệu	UBND xã Đắk Ruồng	1	4,500	4,500		1,125							
49	Loa Omaton PS-638K	CC Văn hoá - Thông tin xã	1	12,790	12,790		5,116							x
50	máy in	UBND xã Đắk Ruồng	1	3,300	3,300		2,640							
51	Tủ hoà phát	UBND xã Đắk Ruồng	2	6,000	6,000		2,400							
52	Tủ hoà phát	UBND xã Đắk Ruồng	1	1,350	1,350		844							

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

[Signature]
Phạm Thị Huệ

Ngày 17 tháng 01 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

[Signature]
Đỗ Dũng Sỹ

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2023

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)		Chi phí xử lý	Ghi chú	
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý		Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ			Chưa nộp tài khoản tạm giữ
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác						trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác	118,575		44,632												
1	Bàn ghế ngồi làm việc	8,960		2,240						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
2	Bàn ghế ngồi làm việc									x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
3	Bàn ghế tiếp khách	5,000		5,000						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
4	Bàn làm việc	1,020								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
5	Bàn làm việc	1,650		206						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
6	Bàn làm việc gỗ nhóm III, gia công công nghiệp, sơn PU	2,500		2,188						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)					Chi phí xử lý	Ghi chú	
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý		Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ		Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác						trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác			Tổng cộng	Tạm giữ	Tạm giữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
7	Bàn làm việc gỗ xoan đào	4,500		2,813						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
8	Bàn làm việc Hoà Phát	3,850		2,406						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
9	Bàn làm việc Hoà Phát DT 1680 H37	3,850		2,406						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
10	Bàn làm việc làm bằng gỗ nhóm III, gia công công nghiệp, sơn PU	2,850		2,138						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
11	Bàn vi tính Hoà Phát	2,150		860						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
12	Bộ bàn ghế salon nệm, bọc da cao cấp	5,000		3,125						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
13	Ghế da hòa phát	2,950		2,213						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
14	Ghế da hòa phát (loại ghế lớn dành cho lãnh đạo)	3,150		2,363						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
15	Ghế ngồi làm việc	1,920		240						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
16	Ghế ngồi làm việc	2,250								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
17	Ghế ngồi làm việc	2,750								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
18	Ghế ngồi làm việc	650								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Trong trường hợp bị mất, bị hư hỏng	Xử lý khác	đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	vay mượn tại khoan tạm giữ	hợp tác tại khoan tạm giữ	xử lý	chính
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
19	Kệ đựng tài liệu	4,500		1,125						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
20	Máy in	3,150								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
21	máy in	3,300		2,640						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
22	Máy vi tính	4,900								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
23	Máy vi tính để bàn	8,700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
24	Máy vi tính Main H61	9,895		3,958						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
25	Tủ đựng tài liệu	3,530								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
26	Tủ đựng tài liệu	5,000		5,000						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
27	Tủ đựng tài liệu	3,750		469						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
28	Tủ đựng tài liệu	9,500								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
29	Tủ hoả phát	1,350		844						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
30	Tủ hoả phát	6,000		2,400						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Ngày 17 tháng 01 Năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Phan Tài Huệ

Bộ, tỉnh: Tỉnh Kon Tum
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND huyện Kon Rẫy
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Đắk Rừng
Mã đơn vị: 1050467
Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

Mẫu số 09Đ-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2023

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê					Liên doanh, liên kết						
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số..., ngày...)	Thời hạn cho thuê (từ... đến...)	Số tiền thu được từ việc thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên kết	Đối tác liên doanh liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số..., ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ... đến...)	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															
	Tổng cộng															

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Ngày 17 tháng 01 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Đỗ Dũng Sỹ